

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Kiêu, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hoá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 3656/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị Kiêu, huyện Yên Định đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 2338/SXD-QH ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc đề án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị

Kiểu, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2024 của UBND huyện Yên Định).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Kiểu, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

Phạm vi điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung đô thị Kiểu bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên xã Yên Trường và xã Yên Phong; ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: Đê sông Mã;
- Phía Nam giáp: Xã Yên Hùng, Yên Ninh;
- Phía Đông giáp: Xã Yên Thái;
- Phía Tây giáp: Xã Yên Thọ; Yên Trung; Yên Phú.

2. Tính chất, chức năng đô thị

Là đô thị loại V, trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội vùng 2 (vùng giữa) của huyện Yên Định; phát triển về dịch vụ thương mại, du lịch và công nghiệp.

3. Quy mô lập quy hoạch

a) Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng 2021 khoảng: 13.478 người (xã Yên Trường là 8.314 người, xã Yên Phong là 5.164 người).
- Dự báo quy mô dân số đến năm 2030 khoảng: 20.000 người;
- Dự báo quy mô dân số đến năm 2045 khoảng: 30.000 người;
- Dân số tăng thêm đến năm 2045 là: 16.522 người.

b) Quy mô đất đai:

Tổng diện tích toàn khu vực lập quy hoạch khoảng 1.444,09 ha (14,44 km²); định hướng đến năm 2045, gồm:

- Khu đất xây dựng đô thị: 1.117,39 ha, trong đó:
 - + Khu đất dân dụng hiện trạng cải tạo: 318,66 ha.
 - + Khu đất dân dụng quy hoạch mới: 144,81 ha.
 - + Khu đất ngoài dân dụng: 653,92 ha.
- Khu đất nông nghiệp và chức năng khác: 326,70 ha.

4. Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt được

a) Chỉ tiêu đất đai:

- Khu đất dân dụng phát triển mới: 87,65 m²/người.

- Đất nhóm nhà ở phát triển mới: 52,89 m²/người.
- Đất cây xanh toàn đô thị: 53 m²/người (bao gồm: cây xanh chuyên dụng và cây xanh công cộng đô thị).
- Đất cây xanh công cộng đô thị (hiện trạng và quy hoạch mới): 6,65 m²/người.
- Đất công trình dịch vụ - công cộng đô thị: 6,82 m²/người.

b) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Đất giao thông tính đến đường phân khu vực: chiếm tỷ lệ 19,51% đất xây dựng đô thị;
- Chỉ tiêu điện năng: 1500 KWh/người/năm; phụ tải 500 W/người;
- Cấp nước sinh hoạt: 120 lít/người/ngđ; tỷ lệ cấp nước 100%;
- Thoát nước thải sinh hoạt: 80% nước cấp;
- Chất thải rắn: 0,9 kg/người/ngđ;
- Thu gom xử lý: 100%.

5. Định hướng phát triển không gian đô thị

- Hướng phát triển đô thị: chủ yếu theo hướng Đông Bắc - Tây Nam với 03 không gian, gồm: Không gian sinh thái và đô thị hiện hữu ven bờ hữu ngạn sông Mã gồm cảnh quan dọc sông Mã và dân cư hiện hữu dọc Quốc lộ (QL) 45 (trung tâm xã Yên Phong và khu vực phố Kiều); không gian đô thị (dọc tuyến đường quy hoạch trục trung tâm huyện Yên Định); không gian sinh thái nông nghiệp phía Nam (khu dân cư hai bên Cự Mã Giang và cánh đồng).

- Các yếu tố định hình không gian đô thị: Ngoài các khu vực dân cư tập trung, các công trình dịch vụ công cộng, hệ thống sông, hồ tự nhiên... cơ bản đã hình thành hệ khung định hình đô thị, không gian đô thị Kiều sẽ được quyết định bởi hệ thống giao thông chính với các trục quan trọng: Trục QL45; trục trung tâm huyện và tuyến kết nối đường tỉnh 518 (quy hoạch là QL47B) với QL45 tại cầu Kiều (xác định theo quy hoạch xây dựng vùng huyện); đường tỉnh 518 giáp kênh chính Bắc; đường tỉnh 506C.

- Trước năm 2030 ổn định trung tâm Hành chính - Chính trị của đô thị tại xã Yên Trường như hiện nay; sau năm 2030 quy hoạch mới tại khu vực dọc tuyến kết nối đường tỉnh 518 (quy hoạch là QL47B) với QL45 tại cầu Kiều gắn với quảng trường, công viên trung tâm và các công trình dịch vụ công cộng khác tạo thành khu trung tâm mới của đô thị.

- Các khu vực điểm nhấn trọng tâm đô thị: Gồm trung tâm hành chính - chính trị, dịch vụ công cộng; Công viên trung tâm; Không gian cảnh quan gắn với hồ Cự Mã Giang; Khu vực sinh thái phía Bắc; các trung tâm dịch vụ thương mại (TMDV) dọc trục đường trung tâm huyện, tuyến kết nối đường tỉnh 518 (quy hoạch là QL47B) với QL45 tại cầu Kiều và đường kết nối khu công nghiệp Phong Ninh với QL45 và các khu vực phát triển dân cư mới.

- Bảo tồn, cải tạo cảnh quan ven sông Mã, Cự Mã Giang ở khu vực trung tâm đô thị trong đó ưu tiên hạng mục nạo vét, khơi thông và cứng hóa hệ thống kè đảm bảo năng lực thoát nước cũng như xây dựng, cải tạo cảnh quan sinh thái cho đô thị.

- Bổ sung quy hoạch khu sinh thái - du lịch (phía Bắc đô thị gắn với nhánh của Cự Mã Giang), đóng vai trò là trung tâm phân phối khách du lịch của huyện tại đô thị Kiều bao gồm các chức năng: trung tâm thông tin, dịch vụ thương mại, ẩm thực, vui chơi giải trí, trải nghiệm du lịch nông nghiệp sạch địa phương.

- Tổ chức mô hình nhà ở sinh thái gắn với khu vực tiếp giáp với Cự Mã Giang nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu nhà ở đô thị cũng như khai thác tối ưu lợi thế cảnh quan tại khu vực.

- Tổ chức công viên trung tâm gắn với quảng trường tại khu phát triển mới phía Nam nút giao trục trung tâm huyện và đường kết nối QL45 và QL47B tạo thành không gian mở quan trọng và tạo động lực phát triển đô thị tại khu vực. Bổ sung các công viên cây xanh đa dạng tại trung tâm các đơn vị ở và các khu dân cư mới đảm bảo quy mô, bán kính phục vụ và theo tiêu chuẩn đô thị.

- Cơ bản ổn định các khu vực dân cư hiện hữu và hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật hiện có và được định hướng cải tạo phù hợp nhằm hài hòa trong không gian chung.

6. Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng

6.1. Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

TT	Tên đất	Năm 2030 (Ds: 20.000 người)		Năm 2045 (Ds: 30.000 người)	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH LẬP QH		1.444,09	100	1.444,09	100
A	Khu đất xây dựng đô thị	1.033,61	71,58	1.117,39	77,38
I	Khu đất dân dụng hiện trạng cải tạo	318,66	22,07	318,66	22,07
1	Đất nhóm nhà ở	275,84	19,10	275,84	19,10
-	Đất nhóm nhà ở hiện trạng	271,11	18,77	271,11	18,77
-	Đất nhóm nhà ở tái định cư	4,73	0,33	4,73	0,33
2	Đất dịch vụ - công cộng hiện trạng	11,04	0,76	11,04	0,76
a	Đất cơ quan trụ sở đô thị	0,76	0,05	0,76	0,05
b	Đất công cộng, y tế, TMDV	1,85	0,13	1,85	0,13
-	Công cộng	0,21	0,01	0,21	0,01
-	Thương mại	1,44	0,10	1,44	0,10
-	Y tế	0,20	0,01	0,20	0,01
c	Đất giáo dục	8,43	0,58	8,43	0,58
-	Đất trường phổ thông cơ sở	5,87	0,41	5,87	0,41
-	Đất trường trung học phổ thông	2,56	0,18	2,56	0,18
3	Đất cây xanh, TDTT	2,05	0,14	2,05	0,14

TT	Tên đất	Năm 2030 (Ds: 20.000 người)		Năm 2045 (Ds: 30.000 người)	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
4	Đất giao thông đô thị	29,73	2,06	29,73	2,06
II	Khu đất dân dụng quy hoạch mới	61,03	4,23	144,81	10,03
1	Đất nhóm nhà ở quy hoạch	33,23	2,30	87,39	6,05
-	Đất nhóm nhà ở	25,46	1,76	79,62	5,51
-	Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	7,77	0,54	7,77	0,54
2	Đất dịch vụ - công cộng cấp đô thị	5,03	0,35	9,41	0,65
-	Đất công trình công cộng	2,30	0,16	2,48	0,17
-	Đất thương mại dịch vụ	2,62	0,18	2,62	0,18
-	Đất trường phổ thông cơ sở	-	-	4,20	0,29
-	Đất y tế	0,11	0,01	0,11	0,01
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng	11,13	0,77	17,91	1,24
4	Đất giao thông đô thị	11,64	0,81	30,10	2,08
-	Đất giao thông	7,03	0,49	21,78	1,51
-	Đất bãi đỗ xe	4,61	0,32	8,32	0,58
III	Khu đất ngoài dân dụng	653,92	45,28	653,92	45,28
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	213,49	14,78	213,49	14,78
-	Đất cụm công nghiệp Kiều	50,20	3,48	50,20	3,48
-	Đất khu công nghiệp Phong Ninh	163,29	11,31	163,29	11,31
2	Đất trung tâm đào tạo	1,28	0,09	1,28	0,09
3	Đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	0,62	0,04	0,62	0,04
4	Đất dịch vụ, du lịch	83,06	5,75	83,06	5,75
-	Đất dịch vụ thương mại	18,36	1,27	18,36	1,27
-	Đất hỗn hợp	32,63	2,26	32,63	2,26
-	Đất du lịch	32,07	2,22	32,07	2,22
5	Đất trung tâm y tế	2,49	0,17	2,49	0,17
6	Đất trung tâm văn hóa, TDTT	6,31	0,44	6,31	0,44
-	Đất văn hóa	1,77	0,12	1,77	0,12
-	Đất thể dục thể thao	4,54	0,31	4,54	0,31
7	Đất di tích, tôn giáo	4,20	0,29	4,20	0,29
8	Đất quốc phòng	7,33	0,51	7,33	0,51
9	Đất khai thác cát	1,54	0,11	1,54	0,11
10	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	27,25	1,89	27,25	1,89
-	Đất bến xe	0,78	0,05	0,78	0,05
-	Đất HTKT	10,67	0,74	10,67	0,74
-	Đất nghĩa trang	15,80	1,09	15,80	1,09
11	Đất cây xanh chuyên dụng	139,20	9,64	139,20	9,64
-	Đất cây xanh cảnh quan	130,23	9,02	130,23	9,02
-	Cây xanh cách ly	8,97	0,62	8,97	0,62
12	Đất giao thông đối ngoại	158,18	10,95	158,18	10,95
B	Đất nông nghiệp và chức năng khác	410,48	28,42	326,70	22,62
1	Đất nông nghiệp	350,70	24,29	266,92	18,48
2	Kênh mương, mặt nước	59,78	4,14	59,78	4,14

- Đất nhóm nhà ở bao gồm: đất ở, các công trình công cộng - dịch vụ của khu ở, nhóm ở (trường mầm non, nhà văn hóa, cây xanh,.. và đất giao thông).

- Đất hỗn hợp là đất xây dựng nhà, công trình hỗn hợp bao gồm: dịch vụ - công cộng, thương mại kết hợp sản xuất kinh doanh ít gây ô nhiễm và các công trình dân dụng phù hợp khác.

6.2. Vị trí, quy mô các khu chức năng chính

6.2.1. Phân chia các khu vực đô thị:

- Toàn bộ đô thị trong ranh giới quy hoạch được chia thành 03 khu vực trên cơ sở lấy trục trung tâm huyện và đường tỉnh 518 (quy hoạch là QL47B) làm yếu tố phân ranh với tổng dân số 30.000 người, gồm:

+ Khu số 01: khu vực phía Bắc (gồm khu vực phố Kiều, một phần thôn Thạc Quả và Lựu Khê) được giới hạn từ khu vực phía Tây là trục trung tâm huyện và phía Đông đường tỉnh 518 (quy hoạch là QL47B), quy mô diện tích khoảng 136,47 ha, dân số khoảng 5.200 người (dân cư hiện trạng khoảng 3.700 người, dân cư phát triển khoảng 1.500 người).

+ Khu số 02: Khu vực phía Đông đô thị (thuộc một phần thôn Thạc Quả xã Yên Trường và xã Yên Phong) được giới hạn từ khu vực phía Nam là trục trung tâm huyện và phía Tây là đường tỉnh 518 (quy hoạch QL47B), quy mô diện tích khoảng 587,24 ha, dân số khoảng 13.100 người (dân cư hiện trạng khoảng 5.700 người, dân cư phát triển khoảng 7.400 người).

+ Khu số 03: Toàn bộ phía Tây của trục trung tâm huyện (thuộc một phần xã Yên Phong, một phần thôn Lựu Khê và toàn bộ thôn 1,2,3 xã Yên Trường), được giới hạn từ khu vực phía Đông là trục trung tâm huyện, quy mô diện tích khoảng 722 ha, dân số khoảng 11.700 người (dân cư hiện trạng khoảng 4.132 người, dân cư phát triển khoảng 7.568 người).

6.2.2. Các khu vực chức năng chính

a) Khu ở, nhóm nhà ở:

- Đất khu ở mới: Chủ yếu tập trung phát triển phía Bắc và phía Đông Bắc của đô thị. Khu vực phía Bắc được tổ chức theo mô hình nhà ở sinh thái với nhà ở kiểu biệt thự kết hợp cây xanh gắn liền với Cự Mã Giang, khu vực phía Đông Bắc đô thị (xã Yên Phong) chủ yếu phát triển mô hình nhà ở liên kế và nhà ở xã hội (khoảng 7,77 ha) để đáp ứng nhu cầu cho công nhân trong khu công nghiệp Phong Ninh. Trong đất đơn vị ở mới bố trí các công trình hạ tầng xã hội gắn với khuôn viên cây xanh, thể dục thể thao theo đúng quy chuẩn nhằm phục vụ đời sống cho dân cư.

- Đất khu ở hiện trạng cải tạo: Ổn định các khu dân cư hiện có, từng bước cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật như đường, điện, cấp thoát nước và vệ sinh môi trường (VSMT) đảm bảo tiêu chuẩn đô thị loại V đồng bộ với khu dân cư phát triển mới.

- Khu tái định cư được bố trí tại các khu ở mới thích hợp khi có dự án đầu tư cụ thể cần phải giải phóng mặt bằng.

Tổng diện tích đất nhóm nhà ở khoảng 362,23 ha, trong đó: đất nhóm nhà ở hiện trạng cải tạo khoảng 271,11 ha; đất nhóm nhà ở tái định cư khoảng 4,73 ha; đất nhóm nhà ở quy hoạch mới khoảng 87,39 ha.

b) Cơ quan hành chính, chính trị:

- Các công trình Hành chính, chính trị cấp đô thị: Trước năm 2030 ổn định trung tâm Hành chính - Chính trị của đô thị tại xã Yên Trường như hiện nay; diện tích khoảng 4.000 m². Sau năm 2030 quy hoạch mới tại khu vực dọc tuyến kết nối đường tỉnh 518 (quy hoạch là QL47B) với QL45 tại cầu Kiều quy mô khoảng 3,38 ha; gắn với quảng trường, công viên trung tâm và các công trình dịch vụ công cộng khác tạo thành khu trung tâm mới của đô thị.

- Bao gồm văn phòng các cơ quan chuyên ngành (Công ty khai thác công trình thủy lợi Nam sông Mã, trạm quản lý đường thủy nội, chi nhánh dược Yên Định, đội thuế, bưu cục Kiều,...) có vị trí ở phố Kiều, dọc QL45 và dọc các trục đường chính được giữ nguyên quy mô và vị trí đảm bảo việc hoạt động.

c) Giáo dục, y tế:

- Về giáo dục: Ổn định vị trí và sát nhập trường Hà Tông Huân vào trường PTTH Yên Định II. Chuyển vị trí trung tâm giáo dục thường xuyên về UBND xã Yên Bái cũ. Các vị trí trường Tiểu học và THCS hiện nay được giữ nguyên, quy hoạch mới trên cơ sở các khu vực phát triển đô thị, đề xuất bố trí các vị trí trường Tiểu học và THCS đảm bảo tiêu chuẩn, bán kính phục vụ (trường mầm non bố trí phù hợp trong đất đơn vị ở). Tổng diện tích khoảng 12,63 ha. Đất trung tâm giáo dục thường xuyên chuyển về vị trí công sở Yên Bái cũ, quy mô khoảng 1,28 ha.

- Về Y tế: Ổn định các cơ sở y tế hiện hữu đô thị (hệ thống các trạm y tế của 02 xã). Cải tạo, chỉnh trang các công trình nhằm đảm bảo nhu cầu phục vụ của cộng đồng dân cư. Quy hoạch mới đất y tế trên trục trung tâm huyện nhằm đảm bảo quy mô và bán kính phục vụ trong đô thị, quy mô khoảng 2,49 ha.

d) Văn hóa, thể thao và cây xanh đô thị:

- Công trình văn hóa - thể dục thể thao (TDTT) đô thị: Cơ bản ổn định các khu trung tâm văn hóa, các sân luyện tập TDTT tại các đơn vị ở. Bổ sung mới các vị trí công viên cây xanh kết hợp TDTT tại các khu vực phát triển mới đô thị.

- Quy hoạch bổ sung các vị trí công viên cây xanh mới, bố trí phân tán theo các khu dân cư đô thị đảm bảo quy mô và bán kính phục vụ. Khu vực dọc Cụm Mã Giang và kênh thoát nước được cải tạo kết hợp với hệ thống cây xanh cảnh quan mặt nước, là khu vực lõi xanh, không gian mở đô thị.

- Tổng diện tích đất cây xanh toàn đô thị khoảng 157,11 ha bao gồm đất cây xanh chuyên dụng khoảng 139,2 ha và đất cây xanh - sân chơi sử dụng công cộng cấp đô thị khoảng 19,96 ha. Đất trung tâm văn hóa, thể dục thể thao khoảng 8,36 ha.

e) Dịch vụ thương mại, hỗn hợp:

- Ổn định vị trí 03 công trình chợ trên địa bàn, gồm chợ Kiều (chợ cấp II) và các chợ đang hoạt động như chợ Bái (xã Yên Bái Cũ nay thuộc Yên Trường), chợ Hâm (xã Yên Phong).

- Bố trí các công trình dịch vụ thương mại và công trình hỗn hợp dọc trục trung tâm huyện, đường nối QL47B và QL45 tại nút giao cầu Kiều, các tuyến đường chính đô thị và các khu vực thuận lợi. Tổng diện tích đất DVTM và đất hỗn hợp khoảng 50,99 ha.

- Đất hỗn hợp dùng để xây dựng công trình hỗn hợp (không bao gồm chức năng nhà ở) hoặc được sử dụng cho một số mục đích khác nhau (gồm: dịch vụ - công cộng; thương mại kết hợp sản xuất kinh doanh ít gây ô nhiễm môi trường, các công trình dân dụng phù hợp khác). Về chức năng sử dụng đất và tỷ lệ đất cho mỗi loại chức năng sẽ được cụ thể hóa trong các đồ án quy hoạch chi tiết.

f) Công nghiệp: Tổng diện tích đất công nghiệp 213,49 ha, bao gồm: Cụm công nghiệp (CCN) Kiều (50,2 ha) và khu công nghiệp (KCN) Phong Ninh. Thu hút phát triển công nghiệp nhẹ với các loại hình công nghiệp sạch, công nghệ cao không gây ô nhiễm môi trường.

g) Khu sinh thái - du lịch, di tích:

- Khu sinh thái - du lịch bố trí khu vực Bắc đô thị tại nhánh hồ Cựu Mã Giang, diện tích khoảng 32,07 ha (bao gồm diện tích mặt nước, cây xanh ven sông); Kết hợp với trung tâm phân phối khách du lịch của huyện tại đô thị gồm các chức năng: trung tâm thông tin, dịch vụ thương mại, nghỉ dưỡng, ẩm thực, mua sắm, vui chơi giải trí, trải nghiệm nông nghiệp...

- Các khu vực di tích cơ bản ổn định về phạm vi, ranh giới và vùng bảo vệ di tích hiện đang được quản lý. Tổng diện tích đất tôn giáo, tín ngưỡng khoảng 4,20 ha.

h) Đất dự phòng phát triển: Quỹ đất dự phòng phát triển chủ yếu bố trí trên đất nông nghiệp hiện trạng, được quản lý chặt chẽ để đảm bảo quỹ đất phát triển đô thị trong tương lai. Khi chưa có kế hoạch sử dụng đất để đầu tư xây dựng đô thị, quỹ đất này vẫn sử dụng đúng chức năng hiện trạng để sản xuất nông nghiệp nhằm đảm bảo an sinh lương thực.

7. Các quy định về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị

- Các điểm nhấn chính được xác định là: Trung tâm hành chính - chính trị, dịch vụ công cộng; Công viên trung tâm; Không gian cảnh quan gắn với Cựu Mã Giang; Khu vực sinh thái phía Bắc; Các trung tâm TMDV dọc trục trung tâm huyện, tuyến kết nối đường tỉnh 518 (quy hoạch là QL47B) với QL45 tại cầu Kiều và đường kết nối khu công nghiệp Phong Ninh với QL45; các khu vực phát triển dân cư mới được thiết kế đồng bộ và hiện đại; các khu vực trung tâm đơn vị ở.

- Các công trình hành chính, chính trị, văn hóa - thể thao, thương mại, dịch vụ, du lịch, y tế phải được nghiên cứu phù hợp với tính chất, chức năng của loại hình công trình và đặc trưng đô thị.

- Tổ chức các trục không gian, cảnh quan chính:

+ Cải tạo, nâng cấp cảnh quan các tuyến đường đối ngoại gồm: QL45, QL47B; các tuyến đường tỉnh và các trục phát triển mới của đô thị. Các tuyến đường chính cảnh quan đô thị xây dựng và cải tạo cảnh quan hấp dẫn, bổ sung đầy đủ các tiện ích công cộng thông minh, hiện đại, sinh thái, dễ tiếp cận.

+ Định hướng kiến trúc cho các trục đường chính, các khu vực đặc trưng trong đô thị theo nguyên tắc đảm bảo sự chuyển tiếp về hình ảnh kiến trúc đô thị đã phát triển qua các giai đoạn.

+ Đề xuất bảo tồn, khai thác cảnh quan thiên nhiên hiện hữu về địa hình, cây xanh, sông hồ, mặt nước. Hình thành khu du lịch sinh thái Cự Mã Giang, công trình kiến trúc khu vực ven sông phải tạo hình thái kiến trúc hài hòa, đóng góp điểm nhấn đặc biệt về cảnh quan, sinh thái và phục vụ thăm quan du lịch.

- Tổ chức không gian tại các điểm nhấn đô thị và từng khu vực đô thị.

- Kiểm soát chặt chẽ công trình xây dựng cao tầng để phù hợp với đặc điểm hiện trạng từng khu vực. Tại các khu vực giao cắt giữa các trục đường chính đô thị khuyến khích xây dựng các công trình cao tầng làm điểm nhấn và định hình không gian đô thị.

- Khuyến khích phát triển các khu vực có đất sử dụng kém hiệu quả để bổ sung quỹ đất phát triển đô thị, dịch vụ du lịch, các khu công viên cây xanh chuyên đề, các công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Chuẩn bị kỹ thuật

a) San nền:

- Kết hợp hài hòa cao độ nền khu dân cư hiện trạng và cao độ nền của khu đất quy hoạch xây dựng mới. Giải pháp san nền các khu vực cụ thể như sau:

- Đô thị Kiểu hiện hữu giữ nguyên cao độ nền hiện trạng, khi đô thị phát triển cần bố trí sắp xếp lại; Đối với khu vực dự kiến phát triển mới cao độ nền xây dựng đảm bảo $H_{xd} \geq +9,2$ m; độ dốc nền $i \geq 0,4\%$.

b) Thoát nước mặt:

- Hệ thống thoát nước mưa là hệ thống thoát nước riêng tự chảy. Hệ thống thoát nước mưa được chia làm 3 lưu vực chính như sau:

- Lưu vực 1: Là phần diện tích tại phía Bắc QL47B và kênh Chính Bắc, diện tích khoảng 450 ha; nước mưa thoát theo địa hình tự nhiên vào các kênh tiêu nội đồng và hệ thống mương, cống dọc các tuyến đường giao thông thoát vào hồ Cự Mã Giang, kênh tiêu Kiểu sau đó thoát ra sông Mã qua cống Kiểu.

- Lưu vực 2: Là phần diện tích tại phía Nam kênh Chính Bắc và phía Tây kênh Nam, diện tích khoảng 480 ha: nước mưa thoát theo địa hình tự nhiên và cống dọc các tuyến đường giao thông vào kênh tiêu 19/5A, dẫn về kênh Hón Éo và bơm ra sông Cầu Chày qua trạm bơm tiêu Cầu Khải.

- Lưu vực 3: Là phần diện tích tại phía Đông kênh Nam và phía Nam QL45, diện tích khoảng 540 ha: nước mưa thoát theo địa hình tự nhiên vào các kênh tiêu nội đồng, hệ thống mương và cống dọc các tuyến đường giao thông sau đó thoát vào kênh tiêu 19/5B dẫn về kênh Hón Éo và bơm ra sông Cầu Chày qua trạm bơm tiêu Cầu Khải.

- Các khu vực hiện trạng cải tạo sử dụng hệ thống mương xây B=(50-100) cm; khu vực phát triển mới sử dụng cống tròn (D60-D200) cm để thu gom nước mưa về các trục tiêu chính. Độ dốc dọc mương, cống theo độ dốc đường, khu vực bằng phẳng độ dốc tối thiểu là 1/D.

8.2. Quy hoạch giao thông

a) Đường cấp đô thị: Các tuyến quốc lộ, đường tỉnh đi qua đô thị mang tính chất là các tuyến đường cấp đô thị, cụ thể:

- QL45: Quy mô đường cấp III, nâng cấp, mở rộng đoạn đi qua đô thị dài L=3,5 km; lộ giới 19,0 m.

- QL47B (đoạn nâng cấp đường tỉnh 518 theo Quyết định 3667/QĐ-BGTVT ngày 30/9/2014): Giữ nguyên lộ giới theo quy hoạch duyệt năm 2015, quy mô đường cấp III; nâng cấp, mở rộng đoạn đi qua đô thị dài L=3,8 km; lộ giới 28,0 m; riêng đoạn từ ngã 3 Yên Bái đi Thọ Xuân quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp III - 4 làn xe, lộ giới quản lý 42,0 m.

- Tuyến đường được nâng cấp lên đường tỉnh: nối từ QL45 (xã Định Liên) - QL47B (xã Yên Trường) – đường tỉnh 518C (xã Quý Lộc) và nối vào đường Minh Sơn - Thành Minh tại địa phận thôn Thắng Long xã Yên Lâm (Trục trung tâm huyện): Xây mới tuyến trục trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn đường chính đô thị có quy mô đường cấp III, 4 làn xe, mặt cắt 1-1, lộ giới 42,0 m (mặt đường 10,5x2=21,0 m; dải phân cách 5,0 m; vỉa hè: 8,0x2= 16,0 m).

- Trục kết nối QL45 - QL47B: Đóng vai trò như trục trung tâm đô thị Kiều, đạt tiêu chuẩn đường chính đô thị có quy mô đường cấp III, 4 làn xe, đoạn đi qua khu vực xây dựng mới thiết kế mặt cắt 1-1; lộ giới 42,0 m (mặt đường 10,5x2=21,0 m; dải phân cách 5,0 m; vỉa hè: 8,0x2= 16,0 m); đoạn đi qua khu vực hiện trạng mở rộng theo điều kiện thực tế, quản lý lộ giới tối thiểu 25,0 m.

- Đường tỉnh 518, 518B và 506C: Tuân thủ theo hướng tuyến hiện có, nâng cấp mở rộng đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2-4 làn xe. Tuyến đường tỉnh 518 được quy hoạch lộ giới 28,0 m; tuyến đường tỉnh 506C được quy hoạch lộ giới 28,0 m; tuyến đường tỉnh 518B kéo dài đi qua Yên Phong được quy hoạch lộ giới 20,5 m; các tuyến đường đi qua đô thị đóng vai trò là đường liên khu vực.

b) Đường cấp khu vực:

- Là các tuyến đường phục vụ giao thông có ý nghĩa nội bộ, liên hệ giữa các đơn vị ở, khu dân cư, khu chức năng khác; giữa các phân khu của công nghiệp, khu chức năng khác có quy mô lớn và nối ra hệ thống đường cấp đô thị.

Các tuyến đường được xác định cụ thể trong “Bản đồ định hướng phát triển hệ thống giao thông”.

- Đối với khu vực phát triển mới: Trên cơ sở khung giao thông là các tuyến đường đối ngoại, đường chính cấp đô thị, xây dựng các tuyến đường khu vực theo dạng ô bàn cờ, với quy mô mặt cắt ngang từ 17,5 m đến 20,5 m; mặt cắt ngang các tuyến đường xây dựng mới có mặt đường tối thiểu 7,5 m và hè đường rộng tối thiểu 5,0 m; một số đoạn tuyến đường đi qua khu dân cư hiện trạng, tiếp giáp với các khu vực có quy hoạch đã được duyệt thì hè đường có thể giảm xuống theo điều kiện thực tế.

- Đối với các khu vực hiện trạng: Nâng cấp, cải tạo mặt đường, mở rộng hệ thống đường bê tông, cấp phối hiện có đạt tiêu chuẩn đường đô thị, với quy mô mặt cắt ngang tối thiểu 8,5 m (bề rộng mặt đường tối thiểu 5,5 m, hè đường mỗi bên rộng tối thiểu 1,5 m).

c) Giao thông tĩnh, giao thông công cộng:

- Bố trí bến xe loại V đô thị Kiểu nằm phía Bắc cụm công nghiệp Kiều, diện tích khoảng 0,78 ha.

- Các bãi đỗ xe công cộng tập trung được quy hoạch tại các khu vực có các công trình công cộng - dịch vụ cấp đô thị, nơi tập trung đông người; tổng diện tích khoảng 8,32 ha. Ngoài ra hệ thống bãi đỗ xe sẽ được bố trí phân tán trong các khu dân cư, khuôn viên các công trình công cộng - dịch vụ thông qua các đồ án quy hoạch chi tiết của từng dự án cụ thể; đảm bảo chỉ tiêu sử dụng cho toàn đô thị phải đạt được tối thiểu 2,5 m²/người.

- Tiếp tục khai thác, nâng cấp các tuyến xe bus hiện có. Nghiên cứu phát triển các tuyến bus mới, tăng cường kết nối thị trấn với các khu vực trọng điểm trong tỉnh như thành phố Thanh Hóa; thị trấn Vĩnh Lộc - Thành nhà Hồ...

8.3. Quy hoạch cấp điện

- Tổng nhu cầu sử dụng điện của khu vực dân dụng là: 12.320,0 KVA.

- Tổng nhu cầu sử dụng điện của khu vực công nghiệp là: 53.290,0 KVA.

- Nguồn điện, trạm biến áp:

- + Nguồn điện cấp cho khu vực đô thị Kiểu hiện được đấu nối từ TBA 110 kV Thiệu Yên công suất theo định hướng quy hoạch vùng huyện được nâng cấp từ (2x40)MVA lên thành (2x63)MVA.

- + Cấp điện áp của các trạm biến áp phân phối được lựa chọn theo xu hướng phát triển lưới điện đô thị là 22/0,4 kV và xen lẫn 35/0,4 kV. Đối với khu vực cụm công nghiệp định hướng phát triển các trạm 35/0,4 kV để đảm bảo truyền tải công suất lớn.

- + Các trạm trong biến áp phụ tải của từng nhà máy tham gia vào cụm công nghiệp do bản thân nhà máy lựa chọn công suất.

- Mạng lưới điện cao áp, trung áp:

+ Lưới điện cao áp 110 kV: Cập nhật hướng tuyến đường dây 110 kV theo định hướng quy hoạch vùng huyện Yên Định đã được phê duyệt.

+ Tiếp tục vận hành và phát triển lưới điện 35 kV cấp điện cho các trạm biến áp phân phối, cụm công nghiệp. Tập trung phát triển lưới điện 22 kV tại khu vực phát triển đô thị.

- Nắn chỉnh, cải tạo hướng tuyến của đường dây 35 kV cho phù hợp với định hướng quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông.

8.4. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

- Tổng nhu cầu dịch vụ viễn thông của khu vực lập quy hoạch là: 7.200 đường dây thuê bao.

- Theo xu hướng trong thời gian tới phổ cập các dịch vụ viễn thông cơ bản và Internet băng thông rộng di động 4G/5G vì vậy để đảm bảo chất lượng dịch vụ Internet băng thông rộng di động các trạm BTS phải bổ sung thêm vị trí xây dựng các trạm BTS nhu cầu đất để xây dựng nhà trạm, cột ăng ten.

- Bố trí lại hệ thống các trạm phát sóng (BTS) hiện có nhằm đảm bảo quy cách và an toàn theo quyết định 3705/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Đầu tư xây dựng cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động thân thiện với môi trường, dùng chung cho các doanh nghiệp viễn thông trong khu vực.

- Cải tạo chỉnh trang các trạm viễn thông hiện có, kết nối bằng tuyến cáp quang ngầm.

- Từ trạm viễn thông trung tâm kéo các tuyến cáp đến các tủ cáp trong các khu vực đô thị. Từ các tủ cáp đầu nối tới hộp cáp và từ hộp cáp sẽ dẫn đến các thuê bao (thiết bị đầu cuối).

8.5. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Tổng nhu cầu sử dụng nước: $Q=10.300,0 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

- Nguồn nước thô:

+ Nguồn nước mặt cấp cho các nhà máy nước sản xuất nước sạch và cấp nước thô cho CCN Kiều, KCN Phong Ninh được lấy từ kênh Chính Bắc.

+ Nguồn nước ngầm: Sau năm 2025, không sử dụng nguồn nước ngầm (trừ một số trường hợp được cấp có thẩm quyền chấp thuận).

- Nhà máy nước:

+ Cập nhật dự án Nhà máy nước sạch khu vực Kiều tại xã Yên Phong đã được chấp thuận chủ trương đầu tư với công suất $14.500 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ (phục vụ 07 xã lân cận và khu công nghiệp Phong Ninh, theo phân vùng cấp nước Quy hoạch vùng huyện Yên Định).

+ Nhà máy nước Yên Trường (đang cung cấp nước cho một số hộ dân ở thôn Lựu Khê và phố Kiều) vẫn được duy trì ổn định cung cấp nước theo công suất hiện có và dần được thay thế nguồn cấp từ nhà máy nước tại xã Yên Phong.

8.6. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải:

- Tổng nhu cầu xử lý nước thải của khu vực nghiên cứu lập quy hoạch được làm tròn là: 9.600 m³/ngđ, trong đó:

+ Nhu cầu xử lý nước thải sinh hoạt, công cộng, dịch vụ: 3.600 m³/ngđ.

+ Nhu cầu xử lý nước thải CCN Kiều: 1.300 m³/ngđ.

+ Nhu cầu xử lý nước thải của phần đất công nghiệp thuộc KCN Phong Ninh: 4.700 m³/ngđ.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Hệ thống thoát nước thải là hệ thống thoát nước riêng biệt;

+ Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân cư, công trình công cộng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó được thu gom bằng hệ thống cống chạy dọc theo các tuyến đường quy hoạch đến trạm bơm chuyên bậc nước thải, bơm về nhà máy xử lý nước thải để xử lý; trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải phải đảm bảo các tiêu chuẩn hiện hành.

- Nước thải công nghiệp: Đối với CCN, KCN và các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn phải xây dựng trạm xử lý nước thải riêng biệt; được xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn hiện hành trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Quy hoạch 03 trạm xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Trạm xử lý nước thải số 01: công suất 1.800 m³/ngđ xử lý nước thải sinh hoạt cho khu vực đơn vị ở số 01 và số 03 (phía Tây kênh B24);

+ Trạm xử lý nước thải số 02: công suất 1.400 m³/ngđ xử lý nước thải sinh hoạt cho khu vực đơn vị ở số 02 (phía Đông kênh B24);

+ Trạm xử lý nước thải riêng cho CCN Kiều công suất 1.300 m³/ngđ; (đối với KCN Phong Ninh nước thải sẽ được thu gom và xử lý tại trạm xử lý của KCN theo định hướng quy hoạch vùng huyện Yên Định).

b) Vệ sinh môi trường:

- Chất thải rắn được thu gom và đưa về xử lý tại khu xử lý CTR tại khu vực Tây Nam xã Yên Lâm công suất đến năm 2045 là: 250 tấn/ngđ (tuân thủ định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt).

- Nghĩa trang: Trước mắt đóng cửa các khu vực nghĩa trang hiện trạng tại các xã, bổ sung hệ thống cây xanh ly, đảm bảo mỹ quan và vệ sinh môi trường; về lâu dài sẽ di chuyển về nghĩa trang tập trung theo quy hoạch tại khu vực mở rộng bãi Đồng Tiêm (chỉ sử dụng hình thức cát táng) với quy mô diện tích khoảng 5,44 ha (trong đó khu vực mở rộng là 3,49 ha).

9. Các vấn đề liên quan đến quốc phòng, an ninh và biện pháp bảo vệ môi trường

9.1. Các vấn đề liên quan đến quốc phòng, an ninh

Các khu vực đất quy hoạch liên quan đến quốc phòng an ninh, điểm cao, khu vực phòng thủ phải được bảo vệ nghiêm ngặt theo quy định. Khi triển khai thực hiện các Quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư phải xin ý kiến các cơ quan an ninh, quốc phòng có thẩm quyền.

9.2. Các biện pháp bảo vệ môi trường

a) Giải pháp quản lý môi trường:

- Tăng cường và bồi dưỡng chuyên môn đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường. Giáo dục môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng.

- Kinh phí cho các hoạt động quản lý môi trường trên nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền, đồng thời tiến hành xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường trên cả hai khía cạnh quyền lợi và trách nhiệm.

- Hình thành mạng lưới giám sát môi trường nhằm cung cấp thông tin môi trường kịp thời và chính xác tới các cơ quan có thẩm quyền chuyên trách.

- Thực hiện các chính sách, giải pháp quản lý đất đai bền vững.

b) Giải pháp bảo vệ môi trường:

- Bảo vệ môi trường đất:

- + Thực hiện các biện pháp giảm thiểu, xử lý triệt để nước thải, chất thải rắn phát sinh gây ô nhiễm môi trường đất;

- + Việc phát triển đô thị không tránh khỏi sự đào xới đến mặt đất, cần tính toán lượng đất đào đắp hợp lý để hạn chế tối đa ảnh hưởng đến môi trường đất.

- Bảo vệ môi trường không khí, tiếng ồn:

- + Hoạt động sinh hoạt: Khuyến khích dùng khí tự nhiên hoặc dùng điện thay cho việc sử dụng nhiên liệu than dầu trong các công trình dịch vụ phục vụ ăn uống.

- + Trồng cây xanh cách ly và bảo tồn mặt nước trong khu vực nhằm điều hòa vi khí hậu, hấp thụ các chất ô nhiễm trong môi trường không khí (giảm bụi, ồn).

- + Các trục đường giao thông trồng cây xanh để hạn chế bụi và tiếng ồn.

- Bảo vệ môi trường nước: Thực hiện xử lý sơ bộ nước thải phát sinh theo từng khu chức năng. Sau khi xử lý tại mỗi khu, nước thải đưa ra hệ thống cống thu gom và đưa về trạm xử lý tập trung của khu vực.

10. Các chương trình ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

a) Danh mục dự án ưu tiên đầu tư

TT	Tên dự án
1	Lập quy hoạch chi tiết 1/500 các khu vực, chức năng quan trọng (3 đồ án)
2	Khu di tích Bác Hồ về thăm Yên Trường
3	Trường mầm non Yên Trường
4	Đầu tư, xây dựng khu Văn hóa – TDTT tại Yên Trường
5	Xây dựng các khu vực thương mại - dịch vụ hỗn hợp và nhà ở đô thị hỗ trợ cho phát triển công nghiệp
6	Cải tạo, khơi thông, kè và xây dựng cảnh quan các khu vực Cự Mã Giang
7	Xây dựng, cải tạo và hoàn chỉnh các trục chính đô thị (06 trục chính, chủ yếu là cải tạo và xây dựng hoàn chỉnh)
8	Đường nối QL47B (xã Yên Trường) đi TL516C (xã Quý Lộc)
9	Đường nối QL45-QL47B đi đường LK-TNH
10	Xây dựng trạm xử lý nước thải và các trục tiêu chính
11	Đầu tư xây dựng hạ tầng các khu đô thị tại Yên Trường (03 KĐT)
12	Đầu tư xây dựng hạ tầng các khu đô thị tại Yên Phong (các khu dân cư Vườn Quán, Cơm Thi, Thị Thu)
13	Cải tạo môi trường và cảnh quan khu vực (các khu vực cảnh quan đô thị và các nghĩa trang tập trung)
14	Hạ tầng KCN Phong Ninh
15	Đầu tư hạ tầng CCN Kiều

b) Nguồn lực thực hiện:

- Từ nguồn vốn đầu tư công bố trí hàng năm; tập trung đầu tư các công trình trọng điểm, các công trình tạo thị.

- Đối với các dự án đầu tư khai thác quỹ đất, lựa chọn các chủ đầu tư có năng lực về kinh nghiệm, tài chính, có tầm nhìn dài hạn, có ý tưởng tốt và có độ tin cậy cao để phát triển các dự án khu đô thị mới.

- Huy động từ nhiều nguồn vốn trong và ngoài nước với nhiều hình thức đầu tư phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành.

11. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung

Ban hành Quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung đô thị Kiều, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 kèm theo quyết định phê duyệt đồ án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Yên Định có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh, xuất bản hồ sơ đồ án được duyệt để lưu trữ theo quy định; bàn giao hồ sơ, tài liệu đồ án quy hoạch chung đô thị cho địa phương, các ngành, đơn vị liên quan để lưu giữ, quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chung được duyệt chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt theo quy định tại khoản 12, Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018.

- Chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng; tổ chức, quản lý việc lập quy hoạch chi tiết đô thị, đầu tư xây dựng tuân thủ theo quy hoạch chung đô thị được phê duyệt.

- Rà soát sự đồng bộ của các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác liên quan với quy hoạch chung đô thị; thực hiện điều chỉnh (nếu có) để đảm bảo đồng bộ giữa các quy hoạch.

- Lập kế hoạch, chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch đô thị.

2. Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa có trách nhiệm: Thực hiện đăng tải nội dung hồ sơ quy hoạch được duyệt lên cổng thông tin điện tử Quốc gia www.quyhoach.xaydung.gov.vn.

3. Các Sở, ngành, đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm quản lý và hướng dẫn thực hiện quy hoạch chung đô thị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3656/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị Kiều, huyện Yên Định đến 2025.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Chủ tịch UBND huyện Yên Định, Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đề b/c);
- Các đ/c Ủy viên UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

H2.(2024)QDPD_QHC DT Kieu

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm